

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY  
(Năm 2015)**

Kính gửi:     - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
                  - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

- Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ Phần Gemadept
- Địa chỉ trụ sở chính: 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM  
Điện thoại: 38 236 236     Fax: 38 235 236     Email: info@gemadept.com.vn
- Vốn điều lệ: 1.196.219.940.000 Đồng
- Mã chứng khoán: GMD

**I. Hoạt động của Hội đồng quản trị :**

**1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

| ST<br>T | Thành viên HĐQT          | Chức vụ              | Số buổi<br>họp tham<br>dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|---------|--------------------------|----------------------|---------------------------|-------|---------------------|
| 1       | Ông Đỗ Văn Nhân          | Chủ tịch HĐQT        | 11                        | 100%  |                     |
| 2       | Ông Chu Đức Khang        | Phó chủ tịch<br>HĐQT | 11                        | 100%  |                     |
| 3       | Ông Đỗ Văn Minh          | Thành viên HĐQT      | 11                        | 100%  |                     |
| 4       | Ông Phạm Hồng Hải        | Thành viên HĐQT      | 11                        | 100%  |                     |
| 5       | Bà Bùi Thị Thu<br>Hương  | Thành viên HĐQT      | 11                        | 100%  |                     |
| 6       | Ông Nguyễn Quốc<br>Huy   | Thành viên HĐQT      | 11                        | 100%  |                     |
| 7       | Ông Phan Thanh Lộc       | Thành viên HĐQT      | 11                        | 100%  |                     |
| 8       | Bà Nguyễn Minh<br>Nguyệt | Thành viên HĐQT      | 11                        | 100%  |                     |
| 9       | Ông Vũ Ninh              | Thành viên HĐQT      | 11                        | 100%  |                     |
| 10      | Ông Phạm Tiến Tịnh       | Thành viên HĐQT      | 11                        | 100%  |                     |
| 12      | Ông Bolat Duisenov       | Thành viên HĐQT      | 11                        | 100%  |                     |

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc): Tại các cuộc họp HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc phải trả lời các chất vấn về kết quả kinh doanh kỳ (tháng) trước, kết quả thực hiện các nghị quyết HĐQT. Ngoài ra, các bộ phận quản trị rủi ro luôn giám sát thường xuyên các hoạt động sản xuất.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hiện Công ty không có các tiểu ban này.

## II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

| STT | Số nghị quyết  | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                     |
|-----|----------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 006/BBHDQT-GMD | 09/01/2015 | Biên bản Hội đồng quản trị<br>Vv thực hiện dự án đầu tư trồng cao su tại huyện Kohgnek tỉnh Mondulkiri, Vương Quốc Campuchia                                                                                 |
| 2   | 007/QDHDQT-GMD | 09/01/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv thực hiện dự án đầu tư trồng cao su tại huyện Kohgnek tỉnh Mondulkiri, Vương Quốc Campuchia                                                                               |
| 3   | 063/BB-HĐQT    | 18/05/2015 | Biên bản họp Hội đồng quản trị<br>Vv Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Gemadept                                                                                                           |
| 4   | 064/QĐ-GMD     | 18/05/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Gemadept<br>Bổ nhiệm Ông Phạm Quốc Long giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Gemadept từ ngày 18/05/2015    |
| 5   | 065/QĐ-GMD     | 18/05/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Gemadept<br>Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Bình giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Gemadept từ ngày 18/05/2015 |
| 6   | 066/QĐ-GMD     | 18/05/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị Vv Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Gemadept<br>Bổ nhiệm Ông Trần Quang Tiến giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Gemadept từ ngày 18/05/2015      |
| 7   | 071/BB-HĐQT    | 18/05/2015 | Biên bản Hội đồng quản trị<br>Phê chuẩn đầu tư Dự án xây dựng cảng và trung tâm phân phối Cừ Long tại KCN Sông Hậu Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang                                                          |
| 8   | 072/QĐ-HĐQT    | 18/05/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Phê chuẩn đầu tư Dự án xây dựng cảng và trung tâm phân phối Cừ Long tại KCN Sông Hậu Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang                                                        |

|    |                  |            |                                                                                                                                                                                             |
|----|------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9  | 075/GMD-ĐHĐCĐ    | 26/05/2015 | Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên GMD năm 2015                                                                                                                                  |
| 10 | 076/GMD-ĐHĐCĐ    | 26/05/2015 | Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên GMD năm 2015                                                                                                                                |
| 11 | 102/BBHĐQT-GMD   | 29/06/2015 | Biên bản Hội đồng quản trị<br>Vv phê chuẩn đầu tư dự án trung tâm Logistics - Deport tại Hải Phòng và cử người đại diện triển khai dự án                                                    |
| 12 | 103/QĐHĐQT-GMD   | 29/06/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv phê chuẩn đầu tư dự án trung tâm Logistics - Deport tại Hải Phòng và cử người đại diện triển khai dự án                                                  |
| 13 | 106/BBHĐQT-GMD   | 30/06/2015 | Biên bản Hội đồng quản trị Công ty CP Gemadept<br>Vv phê chuẩn vay vốn trung hạn tại Ngân hàng VIB để tái tài trợ chi phí đầu tư cầu bờ.                                                    |
| 14 | 107/QĐHĐQT-GMD   | 30/06/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv phê chuẩn vay vốn trung hạn tại Ngân hàng VIB để tái tài trợ chi phí đầu tư cầu bờ.                                                                      |
| 18 | 104/BBHĐQT-GMD   | 01/07/2015 | Biên bản họp hội đồng quản trị<br>Vv cử người đại diện vốn góp tại các công ty thành viên khối TNHH MTV Gemadept Hải Phòng, Công ty CP Cảng Nam Hải và Công Ty Cổ Phần Logistics Nam Hải    |
| 19 | 105/QĐHĐQT-GMD   | 01/07/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv cử người đại diện vốn góp tại các công ty thành viên khối TNHH MTV Gemadept Hải Phòng, Công ty Cổ Phần Cảng Nam Hải và Công Ty Cổ Phần Logistics Nam Hải |
| 20 | 106/QĐHĐQT-GMD   | 01/07/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv cử người đại diện vốn góp tại Công Ty Cổ Phần Logistics Nam Hải                                                                                          |
| 21 | 107/QĐHĐQT-GMD   | 01/07/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv cử người đại diện vốn góp tại Công Ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng                                                                                        |
| 22 | 108/QĐHĐQT-GMD   | 01/07/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv cử người đại diện vốn góp tại Công ty Cổ Phần Cảng Nam Hải                                                                                               |
| 23 | 108/BB-HĐQT-2015 | 14/07/2015 | Biên bản hội đồng quản trị<br>Vv Phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong công ty                                                               |
| 24 | 109/NQ-HĐQT-2015 | 14/07/2015 | Nghị quyết Hội đồng quản trị Vv Phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong công ty                                                                |
| 25 |                  | 01/09/2015 | Biên bản hội đồng quản trị<br>Gia hạn món vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Viet Nam                                                                                                       |
| 26 | 154/BB- HĐQT     | 02/10/2015 | Biên bản hội đồng quản trị                                                                                                                                                                  |

|    |                  |            |                                                                                                                                               |
|----|------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                  |            | Vv Xử lý phần vốn góp vốn của Tổng công ty Văn Hóa Sài Gòn trong Cty TNHH TM Quả Cầu Vàng                                                     |
| 27 | 155/NQ-HĐQT      | 02/10/2015 | Nghị quyết Hội đồng quản trị<br>Vv Xử lý phần vốn góp vốn của Tổng công ty Văn Hóa Sài Gòn trong Cty TNHH TM Quả Cầu Vàng                     |
| 28 | 155/HĐQT         | 13/10/2015 | Quyết định Hội đồng quản trị<br>Vv Điều chỉnh lại số lượng chứng khoán ESPP năm 2014 và ESPP năm 2015 của CBNV không tham gia mua             |
| 29 | 174/BB-HĐQT-2015 | 02/11/2015 | Biên bản hội đồng quản trị<br>Vv triển khai kế hoạch chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt                                                    |
| 30 | 175/NQ-HĐQT-2015 | 02/11/2015 | Nghị quyết HĐQT<br>Vv triển khai kế hoạch chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt                                                               |
| 31 | 182/BBHĐQT-GMD   | 05/11/2015 | Biên bản hội đồng quản trị<br>Vv phê chuẩn bảo lãnh vay vốn cho công ty CP Logistics Nam Hải tại ngân hàng TNHH Indovina - CN Hải Phòng (IVB) |
| 32 | 183/QĐHĐQT-GMD   | 05/11/2015 | Nghị quyết HĐQT<br>Vv phê chuẩn bảo lãnh vay vốn cho công ty CP Logistics Nam Hải tại ngân hàng TNHH Indovina - CN Hải Phòng (IVB)            |
|    |                  |            |                                                                                                                                               |

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán:

| ST T | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND / ĐKKD | Ngày cấp CMND / ĐKKD | Nơi cấp CMND / ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                      |
|------|---------------------|------------------------------------------|------------------------------|----------------|----------------------|---------------------|---------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|
| 1    | Ông Phạm Quốc Long  |                                          | Phó Tổng giám đốc            |                |                      |                     |         | 18/5/2015                               |                                           | Được bầu làm Phó Tổng giám |

|   |                       |  |                   |  |  |  |  |           |  |                                |
|---|-----------------------|--|-------------------|--|--|--|--|-----------|--|--------------------------------|
| 2 | Ông Nguyễn Thanh Bình |  | Phó Tổng giám đốc |  |  |  |  | 18/5/2015 |  | Được bầu làm Phó Tổng giám đốc |
| 3 | Ông Trần Quang Tiến   |  | Phó Tổng giám đốc |  |  |  |  | 18/5/2015 |  | Được bầu làm Phó Tổng giám đốc |

#### IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan:

##### 1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

##### Hội Đồng Quản Trị và ban Tổng Giám Đốc

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------------|-------------------|---------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1.  | Ông Đỗ Văn Nhân     |                                          | Chủ tịch HĐQT                |              |                    |                   |         | 879.950                    | 0,74%                         |         |
| 1.1 | Đặng Thị Ngó        |                                          | Mẹ                           |              |                    |                   |         | 0                          | 0.00%                         |         |
| 1.2 | Huỳnh Thị Ái Vân    |                                          | Vợ                           |              |                    |                   |         | 427,500                    | 0.36%                         |         |
| 1.3 | Đỗ Nhật Tân         |                                          | Con                          |              |                    |                   |         | 0                          | 0.00%                         |         |

|     |               |  |     |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|---------------|--|-----|--|--|--|--|---------|-------|--|
| 1.4 | Đỗ Khánh Ngân |  | Con |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.5 | Đỗ Lộc        |  | Anh |  |  |  |  | 244.019 | 0,20% |  |
| 1.6 | Đỗ Quốc Khánh |  | Anh |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.7 | Đỗ Kỳ Cương   |  | Anh |  |  |  |  | 10      | 0.00% |  |
| 1.8 | Đỗ Thị Nga    |  | Em  |  |  |  |  | 18,175  | 0.02% |  |

|     |                   |  |                                         |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|-------------------|--|-----------------------------------------|--|--|--|--|---------|-------|--|
| 2   | Ông Chu Đức Khang |  | Phó Chủ tịch HĐQT,<br>Phó Tổng Giám Đốc |  |  |  |  | 441.625 | 0,37% |  |
| 2.1 | Trần Thu Thủy     |  | Vợ                                      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 2.2 | Chu Đức Trung     |  | Con                                     |  |  |  |  | 5.000   | 0,00% |  |
| 2.3 | Chu Thu Thảo      |  | Con                                     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 2.4 | Chu Quốc Lộc      |  | Anh                                     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 2.5 | Chu Thị Mai       |  | Chị                                     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 2.6 | Chu Thị           |  | Chị                                     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |

|     |                             |  |                                                          |  |  |  |  |             |       |  |
|-----|-----------------------------|--|----------------------------------------------------------|--|--|--|--|-------------|-------|--|
|     | Phuon<br>g                  |  |                                                          |  |  |  |  |             |       |  |
| 2.7 | Chu<br>Trung<br>Kiên        |  | Em                                                       |  |  |  |  | 0           | 0.00% |  |
|     |                             |  |                                                          |  |  |  |  |             |       |  |
| 3   | Ông<br>Đỗ<br>Văn<br>Minh    |  | TV<br>Hội<br>Đồng<br>Quản<br>Trị,<br>Tổng<br>Giám<br>Đốc |  |  |  |  | 242.00<br>0 | 0,20% |  |
| 3.1 | Đỗ<br>Thế<br>Vinh           |  | Cha                                                      |  |  |  |  | 10          | 0.00% |  |
| 3.2 | Trần<br>Thị<br>Ngát         |  | Mẹ                                                       |  |  |  |  | 0           | 0.00% |  |
| 3.3 | Nguyễn<br>Thị<br>Kim<br>Cúc |  | Vợ                                                       |  |  |  |  | 44,391      | 0.03% |  |
| 3.4 | Đỗ<br>Minh<br>Đức           |  | Con                                                      |  |  |  |  | 0           | 0.00% |  |
| 3.5 | Đỗ<br>Minh<br>Khôi          |  | Con                                                      |  |  |  |  | 0           | 0.00% |  |
| 3.6 | Đỗ<br>Quang                 |  | Em                                                       |  |  |  |  | 0           | 0.00% |  |
| 3.7 | Đỗ<br>Minh<br>Châu          |  | Em                                                       |  |  |  |  | 148.18<br>1 | 0,12% |  |
|     |                             |  |                                                          |  |  |  |  |             |       |  |
| 4   | Ông<br>Phạm<br>Hồng<br>Hải  |  | Thành<br>viên<br>Hội<br>Đồng<br>Quản                     |  |  |  |  | 214.99<br>0 | 0,18% |  |

|     |                  |  |         |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|------------------|--|---------|--|--|--|--|---------|-------|--|
|     |                  |  | Trị     |  |  |  |  |         |       |  |
| 4.1 | Phùng Thanh Trúc |  | Vợ      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 4.2 | Phạm Khôi        |  | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 4.3 | Phạm Phùng Khánh |  | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 4.4 | Phạm Đức Đăng    |  | Anh     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 4.5 | Phạm Công Thắng  |  | Anh     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 4.6 | Phạm Thị Nhân    |  | Chị     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 4.7 | Phạm Xuân Sơn    |  | Anh     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 4.8 | Phạm Đức Hiền    |  | Em      |  |  |  |  | 1       | 0.00% |  |
|     |                  |  |         |  |  |  |  |         |       |  |
| 5   | Ông VŨ NINH      |  | TV HĐQT |  |  |  |  | 393.866 | 0,33% |  |
| 5.1 | Vũ Minh Tuấn     |  | Bố      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 5.2 | Trịnh Thị Dân    |  | Mẹ      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 5.3 | Lê Thị Thúy      |  | Vợ      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 5.4 | Vũ Đình Gia Minh |  | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 5.5 | Vũ               |  | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |

|     |                      |  |                 |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|----------------------|--|-----------------|--|--|--|--|---------|-------|--|
|     | Hiên Long            |  |                 |  |  |  |  |         |       |  |
| 5.6 | Vũ Mỹ Ngân Anh       |  | Con             |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 5.7 | Vũ Thị Hương Duyên   |  | Em              |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 5.8 | Vũ Thị Hương Giang   |  | Em              |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 5.9 | Vũ Đình Tứ           |  | Em              |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 6   | Bà Bùi Thị Thu Hương |  | Thành viên HĐQT |  |  |  |  | 181.679 | 0,15% |  |
| 6.1 | Bùi Quang Vinh       |  | Cha             |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
| 6.2 | Lê Thị Thanh Bình    |  | Mẹ              |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
| 6.3 | Lê Việt Dũng         |  | Chồng           |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
| 6.4 | Bùi Vinh Hoa         |  | Chị             |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
| 6.5 | Bùi Thị Thanh Trà    |  | Em              |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
|     | Bùi Thị Yến Nhi      |  | Em              |  |  |  |  | 0       | 0     |  |

[illegible]

|     |                                      |  |                                                      |  |  |  |  |             |           |  |
|-----|--------------------------------------|--|------------------------------------------------------|--|--|--|--|-------------|-----------|--|
| 8   | Bà:<br>Nguyễn<br>Minh<br>Nguyễn<br>t |  | TV<br>HĐQ<br>T/<br>Trưở<br>ng<br>phòn<br>g tài<br>vụ |  |  |  |  | 310.00<br>8 | 0,26%     |  |
| 8.1 | Nguyễn<br>Thị<br>Minh<br>Thiện       |  | Mẹ                                                   |  |  |  |  | 0           | 0.00%     |  |
| 8.2 | Phạm<br>Đình<br>Tánh                 |  | Chồ<br>ng                                            |  |  |  |  | 4.000       | 0.00%     |  |
| 8.3 | Phạm<br>Quang<br>Minh                |  | Con                                                  |  |  |  |  | 0           | 0.00%     |  |
| 8.4 | Phạm<br>Ngọc<br>Trâm                 |  | Con                                                  |  |  |  |  | 0           | 0.00%     |  |
| 8.5 | Nguyễn<br>Thị<br>Thu<br>Hằng         |  | Em                                                   |  |  |  |  | 10          | 0.00%     |  |
| 8.6 | Nguyễn<br>Thị<br>Hồng<br>Nga         |  | Em                                                   |  |  |  |  | 5           | 0.00%     |  |
| 8.7 | Nguyễn<br>Thanh<br>Hải               |  | Em                                                   |  |  |  |  | 5           | 0.00<br>% |  |

|     |                             |  |                               |  |  |  |  |   |       |  |
|-----|-----------------------------|--|-------------------------------|--|--|--|--|---|-------|--|
| 9   | Ông<br>Phan<br>Thanh<br>Lộc |  | Thàn<br>h<br>viên<br>HĐQ<br>T |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 9.1 | Phan<br>Liêm                |  | Cha                           |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |

|      |                     |  |     |  |  |  |  |   |       |  |
|------|---------------------|--|-----|--|--|--|--|---|-------|--|
| 9.2  | Hồ Thị Nữ           |  | Mẹ  |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 9.3  | Phan Thị Thanh Luận |  | Chị |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 9.4  | Phan Thị Thanh Ngừ  |  | Chị |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 9.5  | Phan Thị Thanh Hoa  |  | Chị |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 9.6  | Phan Thanh Kỳ       |  | Anh |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 9.7  | Phan Thanh Lợi      |  | Anh |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 9.8  | Nguyễn Hồng Vân     |  | Vợ  |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 9.9  | Phan Lily Chi Uyên  |  | Con |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 9.10 | Michael Phan        |  | Con |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |

|      |                 |  |                 |  |  |  |  |   |       |  |
|------|-----------------|--|-----------------|--|--|--|--|---|-------|--|
| 10.1 | Nguyễn Quốc Huy |  | Thành viên HĐQT |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
|------|-----------------|--|-----------------|--|--|--|--|---|-------|--|

|      |                         |  |                       |  |  |  |  |   |  |       |
|------|-------------------------|--|-----------------------|--|--|--|--|---|--|-------|
| 10.2 | Hoàng<br>Lan<br>Hương   |  | Vợ                    |  |  |  |  | 0 |  | 0.00% |
| 10.3 | Nguyễn<br>Quốc<br>Hùng  |  | Con                   |  |  |  |  | 0 |  | 0.00% |
| 10.4 | Nguyễn<br>Quốc<br>Anh   |  | con                   |  |  |  |  | 0 |  | 0.00% |
| 11.1 | Bolat<br>Duisenov       |  | Thành<br>viên<br>HĐQT |  |  |  |  |   |  |       |
| 11.2 | Duisenov<br>Zhak<br>an  |  | Chị                   |  |  |  |  |   |  |       |
| 11.3 | Duisenov<br>a<br>Nagiya |  | Mẹ                    |  |  |  |  |   |  |       |
| 11.4 | Zhusupova<br>Gul        |  | Vợ                    |  |  |  |  |   |  |       |

|      |                                 |  |                            |  |  |  |  |             |       |  |
|------|---------------------------------|--|----------------------------|--|--|--|--|-------------|-------|--|
|      | Gul<br>mira                     |  |                            |  |  |  |  |             |       |  |
| 11.5 | Zhak<br>an<br>Iman<br>gali      |  | Con                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 11.6 | Zhak<br>an<br>Inkar<br>a        |  | Con                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 12   | Ông<br>Phạ<br>m<br>Quốc<br>Long |  | Phó<br>Tổng<br>giám<br>đốc |  |  |  |  | 159.00<br>0 | 0,13% |  |
| 12.1 | Phạ<br>m<br>Quốc<br>Toàn        |  | Cha                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 12.2 | Phạ<br>m<br>Thị<br>Nhị          |  | Mẹ                         |  |  |  |  |             |       |  |
| 12.3 | Phạ<br>m<br>Quốc<br>Vươ<br>ng   |  | Anh                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 12.4 | Phạ<br>m<br>Quốc<br>Hoàn<br>g   |  | Anh                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 12.5 | Phạ<br>m<br>Thị<br>Ánh<br>Tuyế  |  | Vợ                         |  |  |  |  | 395.56<br>0 | 0,33% |  |

|      |                                |  |                            |  |  |  |  |             |       |  |
|------|--------------------------------|--|----------------------------|--|--|--|--|-------------|-------|--|
|      | t                              |  |                            |  |  |  |  |             |       |  |
| 12.6 | Phạm<br>Thùy<br>Linh           |  | Con                        |  |  |  |  | 162.00<br>0 | 0,14% |  |
| 13   | Ông<br>Nguyễn<br>Thanh<br>Bình |  | Phó<br>Tổng<br>giám<br>đốc |  |  |  |  | 204.50<br>6 | 0,17% |  |
| 13.1 | Nguyễn<br>Ngọc<br>Linh         |  | Cha                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 13.2 | Trần<br>Thị<br>Ngộ             |  | Mẹ                         |  |  |  |  |             |       |  |
| 13.3 | Nguyễn<br>Bích<br>Ngọc         |  | Em                         |  |  |  |  |             |       |  |
| 13.4 | Nguyễn<br>Quốc<br>Hưng         |  | Em                         |  |  |  |  |             |       |  |
| 13.5 | Nguyễn<br>Thị<br>Thu<br>Thùy   |  | Vợ                         |  |  |  |  |             |       |  |
| 13.6 | Nguyễn<br>Khôi<br>Nguyễn<br>ên |  | Con                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 13.7 | Nguyễn<br>Việt                 |  | Con                        |  |  |  |  |             |       |  |

|      |                                  |  |                            |  |  |  |  |             |       |  |
|------|----------------------------------|--|----------------------------|--|--|--|--|-------------|-------|--|
|      | Cườn<br>g                        |  |                            |  |  |  |  |             |       |  |
| 13.8 | Nguyễn<br>Yên<br>Nhi             |  | Con                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 14   | Ông<br>Trần<br>Quan<br>g<br>Tiền |  | Phó<br>Tổng<br>giám<br>đốc |  |  |  |  | 219.09<br>6 | 0,18% |  |
| 14.1 | Trần<br>Quan<br>g<br>Tuấn        |  | Cha                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 14.2 | Nguyễn<br>Thị<br>Chun<br>g       |  | Mẹ                         |  |  |  |  |             |       |  |
| 14.3 | Trần<br>Thị<br>Than<br>h<br>Hằng |  | Chị                        |  |  |  |  | 2,333       | 0.00% |  |
| 14.4 | Trần<br>Thị<br>Than<br>h<br>Thảo |  | Em                         |  |  |  |  | 44,703      | 0.04% |  |
| 14.5 | Vũ<br>Thị<br>Ngọc<br>Ánh         |  | Vợ                         |  |  |  |  | 303,50<br>0 | 0.25% |  |
| 14.6 | Trần<br>Vũ<br>Uyên<br>Nhi        |  | Con                        |  |  |  |  |             |       |  |
| 14.7 | Trần<br>Quan<br>g                |  | Con                        |  |  |  |  |             |       |  |

|  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|-----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  | Thành Đạt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|-----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

### Ban Kiểm Soát

|     |                         |  |            |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|-------------------------|--|------------|--|--|--|--|---------|-------|--|
| 1   | Ông Lưu Tường Giai      |  | Trưởng BKS |  |  |  |  | 106.440 | 0,09% |  |
| 1.1 | Ông Lưu Hùng            |  | Bố         |  |  |  |  |         | 0.00% |  |
| 1.2 | Bà Nguyễn Thị Khánh     |  | Mẹ         |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.3 | Bà Đoàn Thị Quỳnh Trang |  | Vợ         |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.4 | Lưu Chí Nhân            |  | Con        |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.5 | Lưu Chí Dũng            |  | Con        |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |

|     |                                     |  |                      |  |  |  |  |        |                   |  |
|-----|-------------------------------------|--|----------------------|--|--|--|--|--------|-------------------|--|
| 1.6 | Lưu<br>Trường<br>Giao               |  | Anh<br>ruột          |  |  |  |  | 0      | 0.00%             |  |
| 1.7 | Lưu<br>Trường<br>Giann<br>g         |  | Anh<br>ruột          |  |  |  |  | 0      | 0.00%             |  |
| 1.8 | Lưu<br>Trường<br>Bách               |  | Em<br>ruột           |  |  |  |  | 0      | 0.00%             |  |
| 1.9 | Lưu<br>Như<br>ợc<br>Thủy            |  | Em<br>ruột           |  |  |  |  | 0      | 0.00%             |  |
| 2.1 | Trần<br>Thanh<br>Thủy               |  | Thành<br>viên<br>BKS |  |  |  |  | 0      | 0.00%             |  |
| 3   | Bà<br>Vũ<br>Thị<br>Hoàn<br>g<br>Bắc |  | Thành<br>viên<br>BKS |  |  |  |  | 67.507 | <b>0.05<br/>%</b> |  |
| 3.1 | Trần<br>Phươ<br>ng<br>Nam           |  | Chôn<br>g            |  |  |  |  | 0      | 0.00%             |  |
| 3.2 | Trần<br>Thục<br>Anh                 |  | Con                  |  |  |  |  | 0      | 0.00%             |  |
| 3.3 | Trần<br>Hoàn                        |  | Con                  |  |  |  |  | 0      |                   |  |

|     |                                      |  |                       |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|--------------------------------------|--|-----------------------|--|--|--|--|---------|-------|--|
|     | g<br>Mình<br>Châu                    |  |                       |  |  |  |  |         |       |  |
| 3.4 | Trần<br>Vũ<br>Lan<br>Phươ<br>ng      |  | Con                   |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.5 | Lưu<br>Thị<br>Coòn<br>g              |  | Mẹ                    |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.6 | Vũ<br>Thị<br>Hoàn<br>g Hà            |  | Chị                   |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.7 | Vũ<br>Thái<br>Bình                   |  | Em                    |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.8 | Vũ<br>Hoa<br>Mai                     |  | Em                    |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 4   | Pha<br>n<br>cầm<br>Ly                |  | Thàn<br>h viên<br>BKS |  |  |  |  |         |       |  |
| 4.1 | Pha<br>n Hữ<br>Hiệp                  |  | Cha                   |  |  |  |  |         |       |  |
| 4.2 | Tạ<br>Thị<br>Than<br>h<br>Phượ<br>ng |  | Mẹ                    |  |  |  |  |         |       |  |
| 4.3 | Phan<br>Việt<br>Hùn<br>g             |  | Anh                   |  |  |  |  |         |       |  |
| 5   | Ông<br>Trần<br>Đức                   |  | Thàn<br>h viên<br>BKS |  |  |  |  | 122.676 | 0,10% |  |

|     |                                  |  |             |  |  |  |  |   |       |  |
|-----|----------------------------------|--|-------------|--|--|--|--|---|-------|--|
|     | Thuậ<br>n                        |  |             |  |  |  |  |   |       |  |
| 5.1 | Bà<br>Bùi<br>Thị<br>Bình<br>An   |  | Vợ          |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 5.2 | Ông<br>Trần<br>Nam<br>Thần<br>g  |  | Anh<br>ruột |  |  |  |  |   | 0.00% |  |
| 5.3 | Bà<br>Trần<br>THị<br>Kim<br>Thoa |  | Chị<br>ruột |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 5.4 | Bà<br>Trần<br>THị<br>Kim<br>Thúy |  | Chị<br>ruột |  |  |  |  | 6 | 0.00% |  |
| 5.5 | Ông<br>Trần<br>Quốc<br>Khánh     |  | Bố          |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người liên quan:

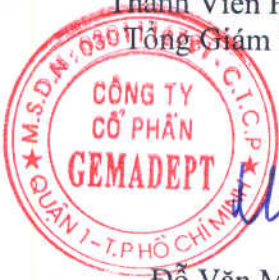
| Stt | Người thực<br>hiện giao<br>dịch | Quan hệ với<br>cổ đông nội<br>bộ | Số cổ phiếu sở hữu<br>đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm<br>(mua, bán,<br>chuyển đổi,<br>thưởng...) |
|-----|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------|-------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------|
|     |                                 |                                  | Số cổ<br>phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ<br>phiếu                | Tỷ lệ |                                                             |
| 1   | Ông Lưu<br>Tuông Giai           | Trưởng ban<br>Kiểm Soát          | 106.440                      | 0,09% | 106.440                       | 0,09% | Bán và nhận<br>thêm từ phát<br>hành ESPP                    |
| 2   | Ông Phạm<br>Hồng Hải            | Thành viên<br>HDQT               | 207.000                      | 0,18% | 214.990                       | 0,18% | Bán và nhận<br>thêm từ phát                                 |

|   |                     |                                                         |         |       |         |       |                                    |
|---|---------------------|---------------------------------------------------------|---------|-------|---------|-------|------------------------------------|
| 3 | Ông Phạm Đức Hiền   | Người liên quan của Ông Phạm Hồng Hải - Thành viên HĐQT | 4.611   | 0,00% | 0       | 0,00% | Bán                                |
| 4 | Bà Vũ Thị Hoàng Bắc | Thành viên Ban Kiểm soát                                | 65.007  | 0,06% | 67.507  | 0,05% | Nhận thêm từ phát hành ESPP và bán |
| 5 | Ông Đỗ Lộc          | Người liên quan của Ông Đỗ Văn Nhân - Chủ tịch HĐQT     | 258.019 | 0,22% | 244.019 | 0,20% | Bán và nhận thêm từ phát hành ESPP |

### 3. Các giao dịch của cổ đông lớn và người liên quan.

| Stt | Người thực hiện giao dịch  | Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|----------------------------|----------------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                            |                                        | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   | PYN ELITE FUND (NON UCITS) | Cổ đông lớn                            | 8.551.740                 | 7,36% | 5.702.190                  | 4,77% | Bán                                                |

### V. Các vấn đề cần lưu ý khác

Thành Viên HĐQT  
 Tổng Giám Đốc  
  
 Đỗ Văn Minh

